

KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ 4: NHỮNG CON VẬT ĐÁNG YÊU
Thời gian thực hiện: 3 Tuần (Từ ngày: 29/12/2025 – 16/01/2026)

STT	Độ Tuổi	Mục tiêu	Nội dung giáo dục		Hoạt động giáo dục
			Chung	Riêng	
1. Lĩnh vực phát triển thể chất					
a. Phát triển vận động					
1	18-24T	Trẻ bắt chước một số động tác theo cô: giơ cao tay – đưa về phía trước sang ngang.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp lắc bàn tay.	- Chân: dang sang 2 bên	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: - Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: + Tay giơ cao, hạ xuống + Đưa ra phía trước, hạ xuống + Đưa sang ngang, hạ xuống - Bụng: + Nghiêng sang trái, sang phải + Cúi về phía trước + Vặn người sang 2 bên. - Chân: + Ngồi xuống đứng lên + Dang sang 2 bên + Co duỗi từng chân
2	24-36T	Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng / bụng và chân.	- Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống đứng lên.	- Lưng, bụng, lườn: Vặn người sang 2 bên. - Chân: Co duỗi từng chân	
3	18-24T	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo hướng thẳng	- Đi theo hướng thẳng - Đi theo hướng ngoằn ngoèo		* Hoạt động chơi – tập có chủ định: - VĐ: + Đi theo hướng thẳng(18-24T); Đi theo hướng ngoằn

4	24-36T	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo hướng ngoằn ngoèo			ngoằn (24-36T) - Ném bóng vào đích (24-36T); Ném bóng bằng 1 tay (18-24) + Bò về phía trước (18-24T) + Bò theo hướng thẳng có mang vật trên lưng (24-36T)
5	18-24T	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay – mắt: Ném bóng bằng 1 tay		- Ném bóng bằng 1 tay	* Hoạt động chơi - TC: + Éch ôp + Thỏ nhảy múa + Ném bóng vào rổ
6	24-36T	- Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay – mắt: Ném bóng vào đích		- Ném bóng vào đích	
7	18-24T	Trẻ phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò về phía trước	- Bò về phía trước - Bò theo hướng thẳng		
8	24-36T	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	có mang vật trên lưng		
11	18-24T	Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	- Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật.	- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay.	* Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời - Chơi ở các khu vực chơi trong giờ đón trả trẻ - Hoạt động góc (Góc thao tác vai: Cho em ăn, ru em ngủ, nấu ăn...) + Góc vận động: Luồn dây, nhón nhặt hạt...)
12	24-36T	- Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	- Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay. - Xoay tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy,		

			đảo, vò xé.		
13	18-24T	- Trẻ tháo lắp lồng được 3-4 hộp tròn, xếp chồng được 2-3 khối trụ.	- Xếp chồng 3-4/5-6 khối vuông/trụ.	- Tháo lắp, lồng được 3- 4 hộp tròn/vuông. - Đóng mở nắp có ren	* HĐ chơi tập có chủ định: - HĐVĐV: + Xếp chuồng lợn + Xâu con rồng * Hoạt động chơi - HĐG (Góc hoạt động với đồ vật: Xếp chồng, xếp cạnh, tập xâu vòng... góc vận động: Đóng cọc bàn gỗ, nhón nhặt hạt, đóng mở nắp có ren...) - Đạo chơi ngoài trời: Vẽ phấn... - TCM: Những chú gà con, bắt chước hành động của các con vật, con sên.
14	24-36T	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ...		- Nhón nhặt đồ vật. - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây - Tập cầm bút tô, vẽ. - Đóng cọc bàn gỗ. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6 - 8 khối.	

b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

15	18-24 T	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.(ăn cơm, thịt, cá, rau...)		* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân. - Giờ ăn: + Trò chuyện về các loại thức ăn, ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau (cơm, thịt xào củ quả, trứng thịt...) + Dạy cho trẻ 1 số thao tác cơ bản trong ăn uống như không làm rơi vãi, cầm thìa bằng tay phải, tay trái cầm bát... - Luyện một số thói quen tốt trong sinh
16	24-36 T	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.		- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt:	

				ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.	hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.
19	18-24T	- Trẻ biết gọi người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.	+ Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.	- Tập 1 số thói quen vệ sinh tốt:	*Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân. - Vệ sinh: + Luyện cho trẻ 1 số thói quen đi vệ sinh đúng nơi quy định + Tập rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh.
20	24-36T	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.		- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định	
21	18-24T	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh	- Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh - Làm quen với rửa tay, lau mặt	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ - Giờ ăn: Trẻ thực hành ăn cơm, trẻ nói với cô giáo khi có nhu cầu ăn. - Vệ sinh: Nói với cô giáo khi có nhu cầu đi vệ sinh. Thực hành đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Cho trẻ xem video rửa tay trước khi ăn và trò chuyện với trẻ - Giáo dục trẻ không được khóc tránh hóc, sặc, không được ngậm thìa, không ăn canh nóng...Rửa tay trước và sau khi ăn cơm xong.
22	24-36T	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)		- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước + Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.	
23	24-36 T	- Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo		- Mặc quần áo đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, khi bị ướt	* Hoạt động chơi: - Dạo chơi ngoài trời (đội mũ khi ra ngoài trời chơi, cởi và thay quần áo khi bẩn dưới

		ấm khi trời lạnh.			sự giúp đỡ của cô...) + Không dẫm lên hạt hạt, nơi trơn trượt, không lại gần bếp nóng, không leo trèo cây, lan can, cầu thang...
24	18- 24 T	- Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.		- Nhận biết 1 số vật dụng nguy hiểm (Dao, kéo, mảnh chai...), những nơi nguy hiểm không được phép sờ hoặc đến gần (ao, hồ, sông, suối tại địa phương nơi mình đang sinh sống) - Mặc quần áo khi trời lạnh	*Hoạt động giao lưu cảm xúc: - Giờ đón, trả trẻ: + Không cầm chơi các vật sắc nhọn, không leo trèo nắp bể, giếng... + Cho trẻ xem video về một số tai nạn thường gặp, trò chuyện cùng trẻ. - Giáo dục và nhắc nhở trẻ trong khi ăn không được khóc tránh hóc, sặc, không được ngậm thìa, không ăn canh nóng... + Cho trẻ xem video dạy kỹ năng đi dép và giáo dục trẻ: Không được vứt dép, tắt, quần áo...phải cất vào tủ của mình, để đúng nơi quy định. - Giáo dục trẻ không tự ý đi ra một mình khỏi lớp, không leo trèo ban công, tường rào, ...
25	24- 36T	- Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.		- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.	
26	18- 24T	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở.		- Nhận biết 1 số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	
27	24- 36T	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn ...) khi được nhắc nhở.		- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	

2. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

28	18-24 T	- Trẻ biết nhìn, nghe...để nhận biết đặc điểm nổi bật của con gà, con mèo, con voi....	- Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh.		* Hoạt động chơi – tập có chủ định: HĐNB - NB con gà - NB con mèo - NB con voi *Hoạt động chơi - DCNT: Yêu cầu trẻ tìm con vật cô vừa cất giấu - HĐG (góc hđvdv: chơi với các khối nhựa, hột hạt...) - Chơi trong giờ đón, trả trẻ (Chơi tự do ở các góc) - TCM: Bắt chước vận động của các con vật
29	24-36 T	- Trẻ biết nhìn, nghe để nhận biết đặc điểm của đối tượng: con mèo, con gà, con voi		- Nghe và nhận biết tiếng kêu của một số con vật quen thuộc	
36	18-24	Trẻ chỉ/lấy/nói tên đồ dùng đồ chơi, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn		- Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật.	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: - HĐNB: + NB con gà + NB con mèo + NB con voi * HĐ giao lưu cảm xúc:
37	24-36	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật quen thuộc.		- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật quen thuộc.	- Trong giờ đón trả trẻ: Trò chuyện về một số con vật mà trẻ biết
38	18-24 T	- Trẻ chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn		- Màu đỏ, xanh. - Kích thước to - nhỏ	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: - HĐNB: + Nhận biết con gà + Nhận biết con mèo + Nhận biết con voi - HĐVDV: + Xếp chuồng lợn + Xâu con rồng
39	24-36 T	- Trẻ chỉ/ nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi		- Màu đỏ, vàng, xanh - Số lượng (một-	* Hoạt động chơi: - Dạo chơi ngoài trời

		màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu		hiều)	- Hoạt động góc (góc hỗ trợ: chơi với các khối nhựa, hạt hạt...) - Chơi tự do trong giờ đón, trả trẻ (Chơi tự do ở các góc)
40	24- 36 T	- Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đồ chơi có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu		- Hình tròn, hình vuông - Kích thước (to - nhỏ)	

3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

41	18- 24 T	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản: “Đi đến đây”; “đi rửa tay”;....		- Nghe và thực hiện 1 số yêu cầu bằng lời nói	* Hoạt động chơi - DCNT (Chơi tự do theo ý thích cất đồ chơi sau khi chơi xong) - HDG (Chơi ở các góc chơi: Góc Hỗ trợ cất khối nhựa, hạt hạt, nút nhựa....) - Chơi - tập buổi chiều: (Cất đồ chơi sau khi chơi xong)
42	24- 36 T	- Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động: (VD: “ Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay”)		- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	
43	18- 24 T	- Trẻ hiểu được từ “ không”; dừng hành động khi nghe “Không được lấy!”; “Không được sờ!”....	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.		* Hoạt động giao lưu cảm xúc: - Giao tiếp với trẻ trong giờ đón, trả trẻ * Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời. - Chơi ở các góc chơi theo ý thích - Chơi – tập buổi chiều - Nghe các câu hỏi: Đây là con gì? Con này có đặc điểm gì? Cô có con gì đây? ...
44	24- 36 T	- Trẻ trả lời các câu hỏi: “Con gì đây?”; “Con mèo được nuôi ở đâu?”; ...		- Nghe các câu hỏi: “Con gì?”; “Làm gì?; “Đồ là gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?”.	
45	18- 24 T	- Trẻ trả lời được câu hỏi đơn giản: “Đây là con gì?”; “Con gì?; “...thế		- Nghe các câu hỏi: “Ở đâu?”; “Con gì?; “...thế	* Hoạt động giao lưu cảm xúc: - Giao tiếp trò

		“Con gì đây?”; “Sống ở đâu?”...		nào?”; (“Gà gáy thế nào?”); “Tên gì?”; “Làm gì?”. - Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh.	chuyện với trẻ trong giờ đón, trả trẻ * Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời. - Chơi ở các góc chơi theo ý thích - Nghe các câu hỏi: Cô có con gì đây? Con voi sống ở đâu?...
46	24- 36 T	- Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên và đặc điểm của các con vật.		- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: Truyện: Quả trứng - Thơ: + Đàn lợn con + Con chim sâu - Xem tranh ảnh video và gọi tên các con vật.
47	18- 24 T	- Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: con vịt, vịt bơi, bé đi chơi...	- Phát âm các âm khác nhau	- Trả lời và đặt câu hỏi: “Con gì?”; “Cái gì?”; “Làm gì?”. - Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi.	
48	24- 36 T	- Trẻ phát âm rõ tiếng		- Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “...thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao?”...	
49	18- 24T	- Trẻ đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.		- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: Thơ - Đàn lợn con - Con chim sâu * Hoạt động giao lưu cảm xúc.
50	24- 36T	- Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự		- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.	- Giao tiếp với trẻ trong giờ đón trẻ, trả trẻ như tập chào cô giáo, chào bố, mẹ...

		giúp đỡ của cô giáo.			* Hoạt động chơi - Dạo chơi ngoài trời - Chơi tự do ở các góc * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Trong giờ ăn: Tập mời cô, mời các bạn - Trong giờ vệ sinh: Tập nói với cô khi có nhu cầu - Nghe, hiểu, sử dụng được các từ: “ Chào cô giáo”, “Chào bố”, “Chào mẹ”, “ Chào các bạn”, “ Con uống nước”, “ Con muốn đi vệ sinh”...
51	18-24T	- Trẻ nói được câu đơn 2- 3 tiếng: Con mèo đẹp, con gà gáy ò ó o...			* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Giao tiếp với trẻ trong giờ đón trẻ, trả trẻ * Hoạt động chơi - tập có chủ định
52	24-36T	- Trẻ nói được câu đơn, câu có 5- 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.		- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	- Thể hiện được sự lễ phép (Con xin đọc thơ, hát)..) - Trẻ đọc được đoạn thơ ngắn với sự giúp đỡ của cô. - Trẻ chỉ và nói, được tên, hành động gần gũi trong tranh, con vật trong truyện hoặc nói được khi cô gợi ý.
53	18-24 T	- Trẻ chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu muốn uống nước, cháu muốn...)		- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.	* Hoạt động chơi - Dạo chơi ngoài trời - Chơi tự do ở các góc
54	24-36T	- Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau.		- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Trong giờ ăn: Nói với cô giáo (Con xin

		+ Chào hỏi, trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”...		lớn. - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài - Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “Thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao?”	cô bát com, con xin cô bát canh...) - Trong giờ vệ sinh - Nghe, hiểu, sử dụng được các từ: “Chào cô giáo”, “Chào bố”, “Chào mẹ”, “Chào các bạn”, “Con xin cô, con ạ cô”, “Con muốn đi vệ sinh”...
55	24-36T	- Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép		- Lắng nghe khi người lớn đọc sách - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.	
56	18-24 T			- Mở sách, xem tranh và chỉ vào các con vật trong tranh	

4. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ

60	18-24T	- Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người thân gần gũi.		- Giao tiếp với cô và bạn	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Tập giao tiếp trong giờ đón trẻ, trả trẻ. * Hoạt động chơi – tập có chủ định - Thích trả lời các câu hỏi của cô.
61	24-36T	- Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với những người khác bằng cử chỉ, lời nói.		- Giao tiếp với những người xung quanh	* Hoạt động chơi - Chơi ở các góc chơi tự do, dạo chơi ngoài trời * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân
64	18-24	- Trẻ thích chơi	- Quan tâm		- Trong ăn: Trẻ thể

		với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật	đến các vật nuôi		hiện nhu cầu khi đói, khi ăn no. - Trong giờ ăn: Thể hiện được nhu cầu của mình với cô giáo, với các bạn.
66	18-24 T	- Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở		- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp như: Chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Trong giờ đón trẻ, trả trẻ * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: Trong giờ ăn - Nghe, hiểu và sử dụng được các từ: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”.
67	24-36 T	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn ạ, vâng ạ.		- Thực hiện 1 số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”, chơi cạnh bạn không cầu bạn.	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. * Hoạt động chơi: - HDG: Góc thao tác vai (Bé em, cho em ăn, thay quần áo cho em, nấu ăn ...) - Nghe, hiểu và sử dụng được các từ: Bé búp bê, ru em ngủ.
68	18-24 T	- Trẻ biết bắt chước được một vài hành vi xã hội (bé búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại,...)	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.		
69	24-36 T	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại,...)			
70	18-24 T	- Làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.			

71	24-36 T	- Trẻ biết thân thiện cạnh trẻ khác.		- Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	* Hoạt động giao lưu cảm xúc - Chơi trong giờ đón trả trẻ. * Hoạt động chơi: - Chơi tự do các góc. - Chơi ngoài trời. - Chơi trò chơi mới.
72	24-36 T	- Thực hiện một số yêu cầu của người lớn		- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.	* HĐ chơi - tập có chủ định - Thực hành xếp hàng tập bài tập vận động * Hoạt động chơi (cát đồ chơi “HĐG, DCNT, chơi theo ý thích trong giờ đón, trả trẻ”) * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh (Xếp hàng rửa tay. Ví dụ: Thực hành xếp thẳng hàng rửa tay...) - Giờ ngủ: Cô tập cho trẻ xếp, cất gối, thăm xộp và cho trẻ nhận biết, tập nói các đồ dùng đó.
73	18-24T	- Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay...)		- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: Âm nhạc - Hát: Con gà trống - VĐTN: Con gà trống - NH: Đố bạn * Hoạt động chơi - TC: Ai đoán đúng
74	24-36T	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc		- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.	
75	18-24T	- Trẻ thích vẽ, xem tranh.	- Xem tranh	- Tập cầm bút vẽ	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: - Xâu con rồng - Xếp chuồng lợn
76	24-	- Trẻ thích tô		- Vẽ các đường	

	36T	màu, nặn, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).		nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình.	*Hoạt động chơi: - HDG (Góc nghệ thuật) - DCNT (Chơi tự do: Chơi với phấn)
--	-----	--	--	---	--

*** Tổng số mục tiêu:**

- Trẻ 18-24 tháng: 30
- Trẻ 24-26 tháng: 31

NGƯỜI LẬP

BGH PHÊ DUYỆT

Lường Thị Mai

Hoàng Thị Lệ Hằng